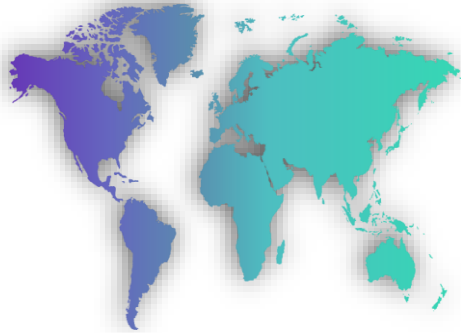




Thị trường thế giới



- ✓ Trên thị trường thế giới, giá xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng trong tháng qua giữa bối cảnh lo ngại nguồn cung vụ mới giảm do diện tích gieo cấy bị thu hẹp, trong khi giá và chất lượng gạo Việt Nam sụt giảm.
- ✓ Giá lợn nạc giao tháng 10/2022 ở Chicago, Mỹ diễn biến giảm do nguồn cung có xu hướng tăng trong khi nhu cầu xuất khẩu yếu.
- ✓ Giá cà phê tăng do báo cáo khô hạn tại các vùng trồng cà phê chính phía đông nam Brazil đã khiến thị trường dấy lên mối lo nguồn cung vụ sắp tới.
- ✓ Giá tiêu Ấn Độ tăng do nhu cầu ở thị trường nội địa Ấn Độ đang tốt khi các nhà hàng mở cửa trở lại, song sản xuất hồ tiêu hiện không theo kịp với mức tiêu thụ ngày càng tăng này.

TÌNH HÌNH CHUNG

Thị trường trong nước



- Giá các sản phẩm gia cầm có xu hướng giảm do nguồn cung dồi dào trong khi tiêu thụ chậm.
- Giá hạt tiêu giảm do các doanh nghiệp xuất khẩu ít thu mua.
- Giá một số loại trái cây tăng do nguồn cung giảm vào thời điểm cuối vụ của một số loại quả, trong khi nhu cầu gia tăng vào dịp Lễ Vu Lan cũng như chuẩn bị cho lễ Rằm Trung Thu sắp diễn ra.





Thị trường thế giới

Trên thị trường thế giới, giá xuất khẩu gạo của Ấn Độ tăng trong tháng qua giữa bối cảnh lo ngại nguồn cung vụ mới giảm do diện tích gieo cấy bị thu hẹp, trong khi giá và chất lượng gạo Việt Nam sụt giảm.

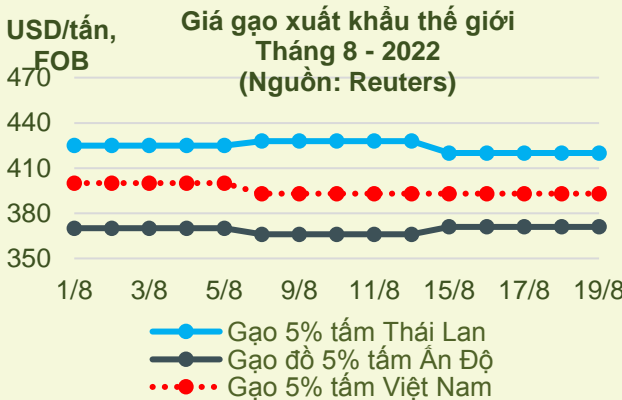
Tại Ấn Độ, gạo đồ 5% tấm Ấn Độ hiện ở mức 365 -

371 USD/tấn, tăng 1 USD so với đầu tháng 8 và tăng 4 USD/tấn so với trung bình tháng trước. Thời tiết không ủng hộ mùa màng ở miền đông và miền bắc Ấn Độ. Các thương nhân đã bắt đầu báo giá cao hơn với dự đoán sản lượng vụ mới thấp hơn.

Trong khi đó, gạo 5% tấm Việt Nam giữ ở mức 390 - 393 USD/tấn, tăng 7 USD/tấn so với đầu tháng nhưng giảm tới 25 USD/tấn so với tháng trước. Giá gạo Việt Nam thấp hơn Thái Lan do nhu cầu yếu và nguồn cung dồi dào từ thu hoạch vụ Hè Thu.

Hai thị trường xuất khẩu chủ chốt của Việt Nam là Trung Quốc và Philippin đã giảm lượng mua, trong đó người mua từ Philippin quan tâm nhiều hơn đến gạo giá thấp. Tuy nhiên, các thương lái cho biết giá cũng giảm do chất lượng gạo vụ Hè Thu kém hơn vụ Đông Xuân.

Tại Thái Lan, gạo tiêu chuẩn 5% tấm Thái Lan ở mức 416 - 420 USD/tấn, tăng 5 USD/tấn so với tháng 7/2022. Mặc dù chi phí vận chuyển giảm nhưng vẫn chưa có đơn đặt hàng lớn. Thương mại gạo giữa Trung Đông và châu Âu thông qua Thái Lan, với nguồn cung dồi dào do mưa tốt và thời tiết thuận lợi.



Thị trường trong nước

Giá lúa tại các tỉnh ĐBSCL biến động tăng đối với các loại lúa thường, lúa chất lượng cao có xu hướng giảm so với tháng trước. Thị trường lúa lúa Hè Thu giao dịch trầm lắng, nhu cầu tiêu thụ cải thiện hơn về cuối tháng.

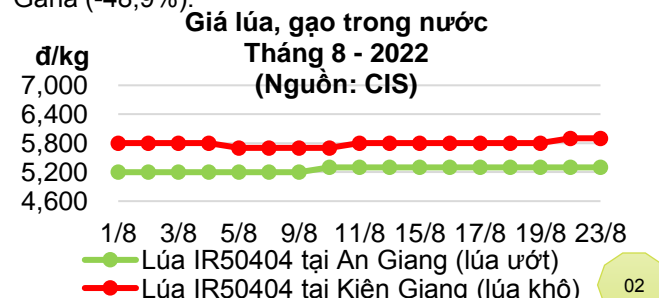
Cụ thể, tại An Giang, lúa IR50404 ở mức 5.300 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg so với trung bình tháng 7; lúa chất lượng cao OM 5451 ở mức 5.500 đồng/kg, giảm 200 đồng/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 giữ ở mức 6.200 - 6.400 đồng/kg, tăng 100 đồng/kg so với tháng trước; lúa chất lượng cao OM 5451 ở mức 6.600 - 6.700 đồng/kg, tăng 50 đồng/kg; lúa Đài thơm 8 ở mức 6.800 - 6.900 đồng/kg, giảm 200 đồng/kg. Tại Bạc Liêu, lúa tươi giống ST24, ST25 duy trì mức 7.000 đồng/kg, giảm 200 đồng/kg so với cuối tháng 7; lúa Đài thơm 8 giảm 500 đồng/kg xuống 5.500 - 5.600 đồng/kg. Tại Vĩnh Long, lúa IR50404 vụ Hè Thu duy trì mức 5.800 đồng/kg.

Thị trường gạo các tỉnh miền Nam bình ổn. Gạo thường IR50404 tại Vĩnh Long và An Giang giữ giá 11.000 đồng/kg và 11.500 đồng/kg; gạo jasmine ở các mức 15.000 đồng/kg và 14.000 đồng/kg. Gạo thơm chợ Đào và thơm Thái Lan tại Tp Hồ Chí Minh cùng ổn định ở mức 22.000 đồng/kg; gạo tẻ thường 14.000 đồng/kg; gạo Tài nguyên 20.000 đồng/kg.

Tại thị trường miền Bắc, giá bán buôn lúa Khang Dân tại Hà Nội ở mức 7.500 đồng/kg; gạo Khang Dân tại Hà Nội và Hưng Yên ổn định ở các mức 14.000 đồng/kg và 10.000 đồng/kg. Giá gạo nếp cái hoa

vàng tại Hà Nội dao động trong khoảng 25.500 - 28.000 đồng/kg. Tại Nam Định, thóc tạp giao giảm 200 đồng/kg xuống còn 7.600 đồng/kg, gạo giữ nguyên 11.500 đồng/kg; gạo Bắc thơm giảm 500 đồng/kg xuống 16.000 đồng/kg.

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê, khối lượng gạo xuất khẩu tháng 8/2022 ước đạt 650 nghìn tấn với giá trị đạt 309 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo 8 tháng đầu năm 2022 đạt lần lượt 4,73 triệu tấn và 2,3 tỷ USD, tăng 18,6% về khối lượng và tăng 8,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá gạo xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 487 USD/tấn, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 7 tháng đầu năm 2022, Philippin là thị trường tiêu thụ gạo lớn nhất của Việt Nam với 46,4% thị phần. Xuất khẩu gạo sang thị trường này đạt tổng cộng 1,98 triệu tấn và 924,9 triệu USD, tăng 56,9% về khối lượng và tăng 39,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh nhất là Hoa Kỳ (+67,6%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất là Gana (-48,9%).





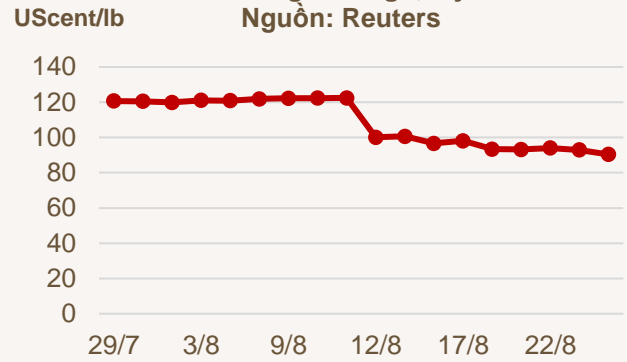
Thị trường thế giới

Giá lợn nạc giao tháng 10/2022 ở Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 6,85 UScent/lb xuống mức 90,375 UScent/lb. Giá thịt lợn giảm do nguồn cung có xu hướng tăng trong khi nhu cầu xuất khẩu yếu.

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong tháng 7/2022, Trung Quốc nhập khẩu 642.740 tấn thịt (gồm cả nội tạng), trị giá 3,06 tỷ USD, giảm 24,7% về lượng, nhưng tăng 3,4% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 7 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 4,1 triệu tấn thịt, trị giá 17,03 tỷ USD, giảm 30,9% về lượng và giảm 12,7% về trị giá so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu nhập khẩu từ Brazil, Mỹ, Argentina, New Zealand, and Uruguay.

Ủy ban Phát triển Nông nghiệp và Trồng trọt Anh (AHDB) dẫn báo cáo triển vọng ngành thịt lợn của Anh cho biết sản lượng thịt lợn của Anh trong năm 2022 dự kiến sẽ giảm 6% so với năm 2021 xuống còn khoảng 970.000 tấn, và dự kiến sẽ giảm thêm 9% vào năm 2023. Về thương mại, theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nhu cầu nhập khẩu từ thị trường

Giá lợn hơi giao tháng 10/2022 thị trường Chicago, Mỹ
Nguồn: Reuters



Lợn nạc giao tháng 10/2022 thị trường Chicago

90,375 UScent/lb ↓ - 6,85

Trung Quốc dự kiến sẽ không phục hồi mạnh. Tuy nhiên, Trung Quốc sẽ vẫn là một đầu ra quan trọng cho sản phẩm của Anh với lượng xuất khẩu thịt lợn sang quốc gia này dự kiến sẽ tăng 7% so với năm ngoái.



Thị trường trong nước

Trong tháng 8/2022, giá lợn hơi tăng nhẹ tại tất cả các khu vực trên cả nước. Tại khu vực miền Bắc, thị trường lợn hơi điều chỉnh tăng 2.000 đ/kg, dao động trong khoảng 65.000 - 71.000 đồng/kg. Cùng giao dịch trong khoảng 67.000 - 70.000 đồng/kg hiện có các tỉnh thành gồm Hưng Yên, Thái Bình, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Giang, Vĩnh Phúc và Tuyên Quang. Trong khi đó tại Hà Nam và TP Hà Nội, giá thu mua ghi nhận mức thấp nhất và cao nhất khu vực là 65.000 đồng/kg và 71.000 đồng/kg. Yên Bái, Lào Cai, Nam Định và Ninh Bình hiện thu mua heo hơi với giá 66.000 đồng/kg.

Thị trường lợn hơi khu vực miền Trung, Tây Nguyên tăng 2.000 đồng/kg, dao động trong khoảng 63.000 - 70.000 đồng/kg. Cụ thể, thương lái hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện thu mua chung mức 70.000 đồng/kg. Trong đó, mức giá thấp nhất khu vực là 63.000 đồng/kg tại tỉnh Đắk Lắk.

Thị trường lợn hơi miền Nam ghi nhận giá thu mua biến động tăng 2.000 đồng/kg tại nhiều tỉnh thành, dao động trong khoảng 63.000 - 70.000 đồng/kg. Thương lái tỉnh Tây Ninh hiện thu mua heo hơi ở mức cao nhất khu vực là 70.000 đồng/kg. Vũng Tàu và Đồng Nai lần lượt giao dịch với giá 67.000 đồng/kg và 68.000 đồng/kg. Một loạt các địa phương như Bình Phước, TP HCM, Bình Dương, An Giang, Cần Thơ, Kiên Giang và Hậu Giang giá heo hơi dao động trong khoảng 63.000 - 66.000 đồng/kg

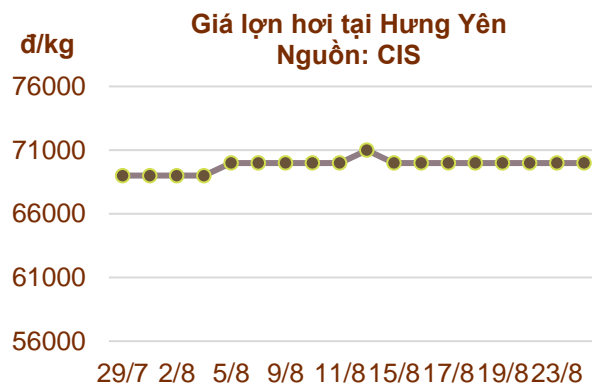
Bắc	65-71	ng nghìn đồng/kg
Trung & TN	63-70	ng nghìn đồng/kg
Nam	63-70	ng nghìn đồng/kg



Giá thu mua gà tại trại biến động giảm tại các vùng miền trong tháng qua. Giá gà thịt lông màu ngắn ngày miền Bắc, miền Trung và miền Nam giảm 2.000 - 3.000 đ/kg xuống mức 39.000 – 41.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Bắc giảm 4.000 đ/kg xuống còn 36.000 đ/kg. Giá gà công nghiệp miền Trung và miền Nam giữ mức 38.000 – 39.000 đ/kg. Giá trứng gà miền Bắc, miền Trung giảm 50 đ/quả xuống mức 2.700 – 2.900 đ/quả. Giá trứng gà miền Nam giữ mức 2.200 – 2.500 đ/quả. Giá các sản phẩm gia cầm có xu hướng giảm do nguồn cung dồi dào trong khi tiêu thụ chậm.

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 8 năm 2022 ước đạt 41,6 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 258,6 triệu USD, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, xuất khẩu sữa và sản phẩm sữa đạt 73,8 triệu USD, giảm 4,3%; thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật đạt 70,8 triệu USD, tăng 4,9%.

Ước giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi tháng 8 năm 2022 đạt 257,6 triệu USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi 8 tháng đầu năm 2022 đạt 2,14 tỷ USD, giảm 10,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị nhập khẩu sữa và các sản phẩm sữa ước đạt 897,3 triệu USD, tăng 8,6%; giá trị nhập khẩu của thịt, phụ phẩm dạng thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của động vật ước đạt 918,5 triệu USD, giảm 7%.





Thị trường thế giới

Nửa đầu năm 2022, xuất khẩu tôm của Ecuador đạt 510,8 nghìn tấn, trị giá 3,29 tỷ USD, tăng 32,9% về lượng và tăng 54% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tiếp tục dẫn đầu thế giới trong nửa đầu năm 2022 nhờ xuất khẩu tôm sang Trung Quốc tăng mạnh. Giá trung bình xuất khẩu tôm sang Trung Quốc tháng 6/2022 đạt 6,07 USD/kg, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu tôm của Ecuador sang Hoa Kỳ và châu Âu nửa đầu năm 2022 cũng tăng lần lượt 7,0% và 9,4% về lượng so với cùng kỳ năm 2021. Tuy nhiên, Hoa Kỳ và châu Âu đều đang phải đối mặt với lạm phát tăng cao. Kinh tế Trung Quốc cũng gặp khó khăn do thị trường bất động sản nước này giảm. Giá tôm Ecuador có thể giảm trở lại trong thời gian tới nếu nhu cầu thị trường sụt giảm.

Ngành tôm Ấn Độ dự kiến sản lượng vụ thứ 2 trong

năm (thường diễn ra vào tháng 8- 9) sẽ giảm do người nuôi hạn chế thả giống khi chi phí đầu vào cao, nhu cầu hạn chế và thời tiết xấu. Sản lượng vụ này ước tính chỉ bằng 50% so với vụ đầu tiên. Giá tôm cỡ 20 – 30 con/kg tại Ấn Độ hiện đã giảm đáng kể so với đầu năm; giá tôm cỡ vừa và lớn cũng chênh lệch nhiều. Nhiều hộ không nuôi tôm cỡ lớn vì nhu cầu không có. Các công ty chế biến lựa chọn nuôi tôm cỡ 40 - 70 con/kg. Đặc biệt tôm cỡ 50 - 60 con/kg đang được ưa chuộng. Lũ lụt đang ảnh hưởng đến các vùng nuôi tôm quanh khu vực sông Godavari, phía Bắc của tỉnh nuôi tôm chính của Ấn Độ, Andhra Pradesh. Dịch bệnh và tỷ lệ tử vong cao khiến người dân thu hoạch sớm khi tôm mới đạt ở kích thước 100 - 200 con/kg. Bệnh EHP đã tàn phá ngành tôm Ấn Độ những năm gần đây. Năm nay, hội chứng tôm chết hàng loạt đã thực sự nghiêm trọng khi tỷ lệ sống ở nhiều ao giảm 40 - 50%.



Thị trường trong nước

<p>Cá tra nguyên liệu size 800-1 kg</p> <p>30.000- 30.500 đ/kg</p> <p>+ (2.000 - 2.500)</p>	 
<p>Tôm sú ướp đá cỡ 20 con/kg Bạc Liêu</p> <p>290.000 đ/kg</p> <p>- 5.000</p>	 

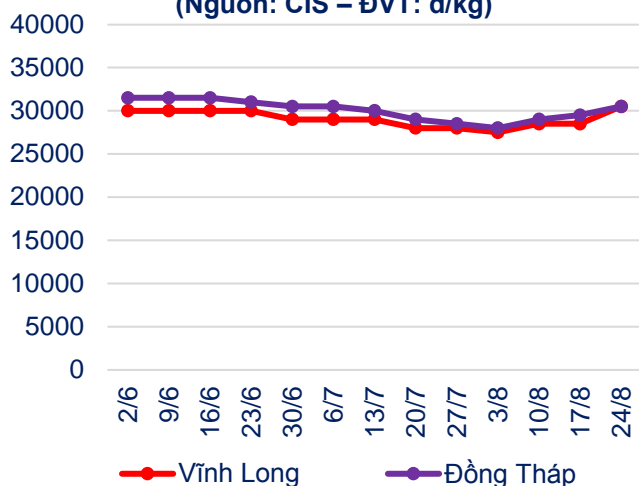
Giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh ĐBSCL trong tháng 8 có sự điều chỉnh tăng 2.000 - 2.500 đồng/kg so với tháng trước, dao động trong khoảng 30.000 - 30.500 đồng/kg cho cá size 800g-1kg. Các công ty làm hàng xuất khẩu đi thị trường Trung Quốc, Nga, Trung Đông... tìm mua cá nhiều hơn trong khi nguồn cung không có nhiều. Giá cá tra giống cũng tăng 3.000 – 5.000 đồng/kg lên mức 32.000 – 34.000 đồng/kg cho cỡ 28-35 con/kg. Các hộ nuôi giống thả cá bột mạnh hơn nhưng nguồn

giống dự kiến không tăng mạnh do đang trong mùa nghịch, tỷ lệ hao hụt do bệnh ở mức cao.

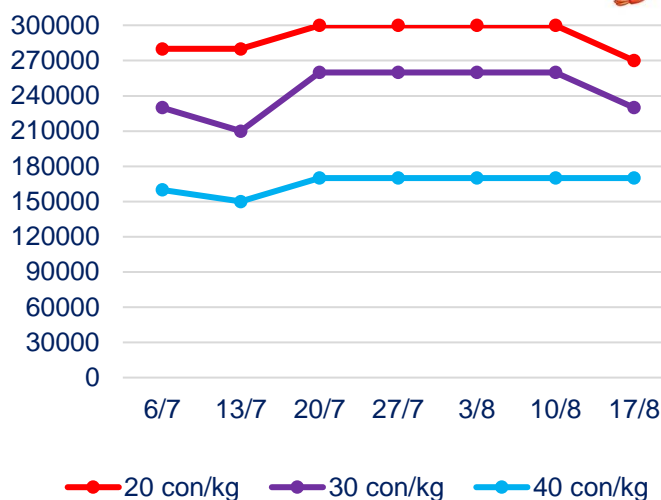
Đối với mặt hàng tôm, tháng 8/2022, tại Bạc Liêu, giá trung bình tôm sú ướp đá cỡ lớn 20 con/kg trong tháng ở mức 290.000 đồng/kg, giảm 5.000 đồng/kg so với tháng trước; cỡ 30 con/kg 245.000 đồng/kg, tăng 5.000 đồng/kg; cỡ 40 con/kg 170.000 đồng/kg, tăng 8.000 đồng/kg. Giá tôm thẻ chân trắng ướp đá cỡ 40 con/kg ổn định ở mức 120.000 đồng/kg, cỡ 60 và 70 con/kg ở mức 100.000 đồng/kg và 95.000 đồng/kg, cỡ 100 con/kg 85.000 đồng/kg. Xuất khẩu tôm đang có xu hướng hạ nhiệt sau những tháng đầu năm tăng mạnh. Tuy nhiên, lạm phát cao tiếp tục hỗ trợ giá bán thủy sản, nhu cầu vẫn ở mức cao trong bối cảnh thiếu thực phẩm toàn cầu và nguồn cung nguyên liệu vẫn chưa phục hồi.



Giá cá tra thịt trắng nguyên liệu tại ĐBSCL (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Tôm sú ướp đá nguyên liệu tại Bạc Liêu (Nguồn: CIS – ĐVT: đ/kg)



Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 8 năm 2022 ước đạt 894 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 8 tháng đầu năm 2022 đạt 7,54 tỷ USD, tăng 35,3% so với cùng kỳ năm 2021. Hoa Kỳ, Nhật Bản, và Trung Quốc là 3 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022, chiếm 50,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 7 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu thủy sản tăng tại hầu hết cả các thị trường, ngoại trừ thị trường Anh (-4,7%). Thị trường

có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là Trung Quốc (+80,4%).

Xuất khẩu cá tra trong tháng 8/2022 ước đạt 201 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm lên 1.744 triệu USD, tăng 82,6% so với cùng kỳ năm 2021. Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu trong tháng 8/2022 ước đạt 350 triệu USD. Lũy kế 7 tháng đầu năm, giá trị xuất khẩu tôm đạt 2.999 triệu USD, tăng 22% so với cùng kỳ năm ngoái.



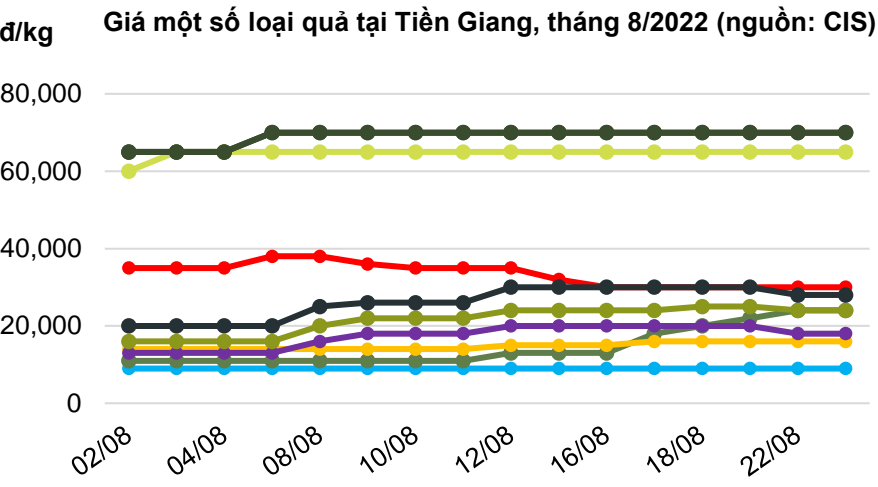
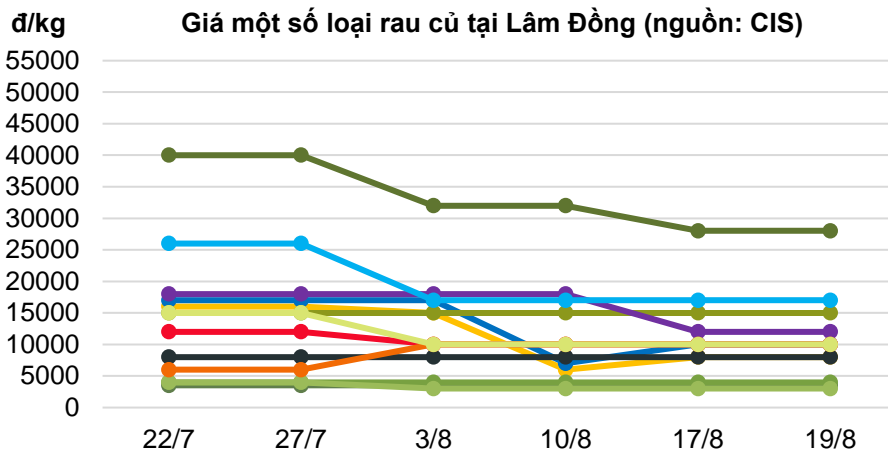


Thị trường trong nước

Tháng 8/2022, diễn biến thị trường nhiều loại quả có dấu hiệu tăng nhẹ so với đầu tháng đối với một số mặt hàng như thanh long, chôm chôm do nguồn cung giảm vào thời điểm cuối vụ của một số loại quả, trong khi nhu cầu gia tăng vào dịp Lễ Vu Lan cũng như chuẩn bị cho lễ Rằm Trung Thu sắp diễn ra. Cụ thể, tại tỉnh Tiền Giang, xoài cát Hòa Lộc giá 65.000 đồng/kg, chôm chôm Java 20.000 đồng/kg; chôm chôm nhãn 24.000 đồng/kg, thanh long đỏ 16.000 đồng/kg và thanh long trắng là 18.000 đồng/kg; sầu riêng Monthong 70.000 đồng/kg và Ri6 có giá là 70.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg so

với thời điểm đầu năm.

Đối với mặt hàng rau củ, tại Lâm Đồng thị trường diễn biến giảm vào thời điểm cuối tháng do nguồn cung gia tăng nhẹ đối với nhiều loại củ quả như xà lách, su su, cải thảo, bắp cải... tại ở mức giá lần lượt là 6.000-10.000 đồng/kg đối với xà lách, su su 3.500 đồng/kg; cải thảo 4.000 đồng/kg; bắp cải 3.000 đồng/kg; ớt sừng tiếp tục ở mức thấp của tuần trước là 17.000 đồng/kg; ớt chuông và củ dền duy trì ở các mức giá lần lượt là 28.000 đồng/kg và 10.000 đồng/kg.



Tình hình xuất nhập khẩu

Theo số liệu thống kê, giá trị xuất khẩu rau quả tháng 8 năm 2022 ước đạt 243 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 8 tháng đầu năm 2022 đạt 2,17 tỷ USD, giảm 13,9% so với cùng kỳ năm 2021. Tính trong 7 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về giá trị nhập khẩu rau quả của Việt Nam với 45,5% thị phần, giá trị xuất khẩu đạt 877,6 triệu USD, giảm 34% so với cùng kỳ năm 2021. Thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhất là Lào (+96,6%). Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả giảm mạnh nhất là Nga (-35,7%).

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 8 năm 2022 ước đạt 170 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2022 đạt 1,23 tỷ USD, tăng 30,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trung Quốc (chiếm tỷ trọng 36,5%), Hoa Kỳ (16,8%) và Ôxtrâyliya (8,5%) là 3 thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu rau quả 7 tháng đầu năm 2022 từ Trung Quốc tăng 64%, Hoa Kỳ (-2,3%) và Ôxtrâyliya (+27,3%).



Thị trường thế giới

Giá đường thế giới có xu hướng tăng trong nửa đầu tháng 8 do lo ngại về nguồn cung toàn cầu nhỏ hơn một phần do đợt nắng nóng ở châu Âu, nhà sản xuất đường lớn thứ ba thế giới. Maxar Technologies gần đây cho biết điều kiện khô nóng ở Pháp và Đức đe dọa làm giảm sản lượng củ cải đường ở Liên minh châu Âu và mía của Ấn Độ quanh lưu vực sông Hằng nhận được lượng mưa dưới mức bình thường trong tháng 6 và tháng 7. Bên cạnh đó, sản lượng đường giảm tại Braxin là yếu tố hỗ trợ cho giá đường. Hiệp Hội mía đường Braxin (Unica) cho biết, sản lượng đường khu vực Trung-Nam Braxin trong nửa cuối tháng 7 tăng 8,4% so với cùng kỳ lên 3,302 triệu tấn.

Tuy nhiên, giá dầu thô suy yếu cũng khiến giá đường bị kéo xuống. Giá đường gần đây cũng bị tác động tiêu cực bởi dấu hiệu về nguồn cung dồi dào. Chính phủ Ấn Độ xác nhận sẽ cho phép xuất khẩu thêm 1,2 triệu tấn đường cho niên vụ kết thúc vào ngày 30/9 để giúp các nhà máy đường của Ấn Độ khỏi vỡ nợ về hợp đồng xuất khẩu. Con số đó sẽ cao hơn hạn ngạch hiện tại là 10 MMT cho tổng số 11,2 MMT đường xuất khẩu.



Bên cạnh đó, nhu cầu đường của Trung Quốc sụt giảm đã tác động lên giá sau khi dữ liệu hôm 18/8 từ Văn phòng Hải quan Trung Quốc cho thấy nhập khẩu đường tháng 7 của Trung Quốc giảm 35% so với cùng kỳ xuống 280.000 tấn.

Tính trung bình trong tháng (đến ngày 24/8), giá đường trắng kỳ hạn tháng 10/2022 trên sàn London tăng 1,53% so với tuần trước, đạt 544,89 USD/tấn. Giá đường thô kỳ hạn tháng 10/2022 tại sàn New York giảm 1,68% so với tháng trước, đạt 18,04 UScent/lb.

Thị trường trong nước

Thị trường đường nội địa trong tuần qua tiếp tục nóng lên sau quyết định thuế của Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với một số sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và Myanmar. Tuy nhiên, lượng bán ra chưa nhiều, giao dịch còn chậm.

Cụ thể, đường nhập khẩu từ các quốc gia này có sử dụng nguyên liệu đường của Thái Lan sẽ bị áp dụng cùng mức thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với đường Thái Lan với tổng mức thuế là 47,64%, trong đó thuế chống bán phá giá là 42,99% và thuế chống trợ cấp là 4,65%.

Trường hợp, đường nhập khẩu từ 5 quốc gia chứng minh được sản xuất từ mía thu hoạch tại các quốc gia này sẽ không bị áp dụng biện pháp chống lẩn tránh.

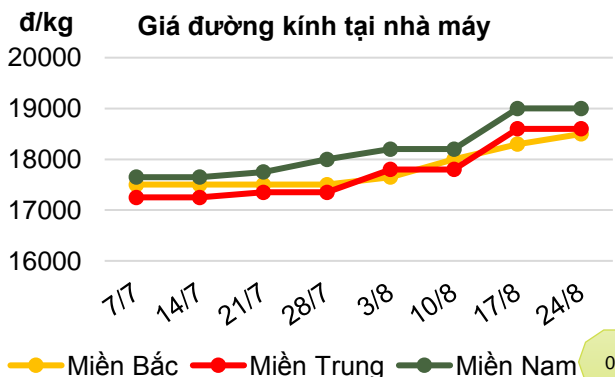
Biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại sẽ có hiệu lực sau 7 ngày kể từ ngày Quyết định được ban hành cho đến ngày 15/6/2026, trừ trường hợp được thay đổi, gia hạn theo các quyết định khác của Bộ Công Thương.

Theo Bộ Công Thương, kết luận điều tra xác định việc sử dụng nguyên liệu đường có xuất xứ từ Thái Lan để sản xuất và xuất khẩu một số sản phẩm đường mía sang Việt Nam của các doanh nghiệp từ Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia và

Myanmar là hành vi lẩn tránh biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đang áp dụng với sản phẩm đường của Thái Lan.

Đồng thời, các chỉ số kinh tế cho thấy hiệu quả của biện pháp chống bán phá giá, chống trợ cấp đối với sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan hiện đang bị suy giảm do tác động của đường nhập khẩu từ 5 quốc gia này.

Giá đường trong nước đồng loạt tăng 600-900 đồng/kg so với tháng trước, đặc biệt tại khu vực Trung – Nam. Tuy nhiên, lượng bán ra chưa nhiều, giao dịch còn chậm. Cụ thể, tại miền Bắc, giá đường RS Sơn La chào bán trung bình ở mức 18.100 đồng/kg, tăng 600 đồng/kg so với tháng trước; tại miền Trung, giá đường RS An Khê chào bán trung bình ở mức 18.200 đồng/kg, tăng 900 đồng/kg. Tại miền Nam, giá đường RS An Khê ở mức 18.600 đồng/kg, tăng 850 đồng/kg.





Thị trường thế giới

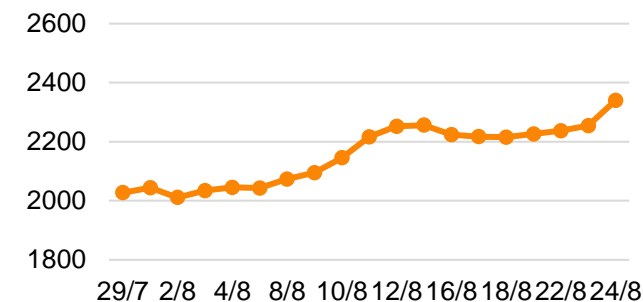
Trong tháng 8/2022, giá cà phê thế giới biến động tăng. Cụ thể, giá cà phê Robusta giao tháng 9/2022 tại thị trường London tăng 310 USD/tấn lên mức 2.340 USD/tấn. Báo cáo khô hạn tại các vùng trồng cà phê chính phía đông nam Brazil đã khiến thị trường đẩy lên mối lo nguồn cung vụ sắp tới.

Các chuyên gia dự báo, giá cà phê thế giới sẽ có thể còn tăng, bởi sản lượng cà phê tồn kho tiếp tục thâm hụt và khó có thể cung cấp đủ trong thời gian tới.

Nam Mỹ tiếp tục là khu vực xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới trong 9 tháng đầu niên vụ 2021/22 với 42,3 triệu bao, giảm 8,5%. Trong giai đoạn này, các lô hàng xuất khẩu của Brazil giảm 14,2%, xuống chỉ còn 29,5 triệu bao. Tuy nhiên, xuất khẩu cà phê của Brazil đang cho thấy sự phục hồi trở lại do các vấn đề về container và vận chuyển tiếp tục được cải thiện.

Xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 7/2022 đã giảm 17,7% so với cùng tháng năm ngoái, do hạn hán kéo dài làm giảm sản lượng.

**Giá Robusta kỳ hạn giao tháng 9/2022
thị trường London**
Nguồn: Reuters



Cà phê Robusta giao tháng 9/2022
tại thị trường London

2.340 USD/tấn ↑ + 310

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã điều chỉnh sản lượng cà phê thế giới trong niên vụ 2021/22 giảm 300.000 bao so với dự báo đưa ra hồi tháng 12 năm ngoái, xuống còn 167,1 triệu bao.

Thị trường trong nước

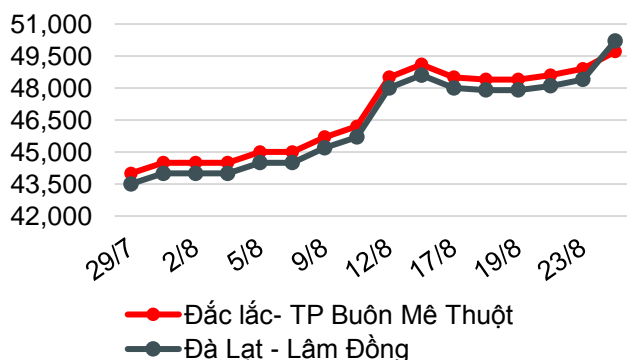
Thị trường cà phê trong nước biến động tăng cùng xu hướng thị trường cà phê thế giới. Giá cà phê với nhân xô các tỉnh Tây Nguyên hiện ở mức 49.700 – 50.200 đồng/kg, tăng 5.700 đồng/kg so với tháng trước.

Cùng với nguồn cung khan hiếm và những lo ngại về thời tiết ảnh hưởng đến vụ mùa tới, thị trường thế giới tiếp tục gia tăng thu mua cà phê. Điều này sẽ giúp thị trường cà phê trong nước được dự báo sẽ còn tăng trong thời gian tới.

Cà phê là một trong 13 mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam. Ngành cà phê đóng góp 3% GDP cả nước, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho trên 600.000 hộ nông dân. Nhận định về kim ngạch xuất khẩu cà phê trong cả năm 2022, Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam cho biết, nếu giá cà phê xuất khẩu giữ nguyên ở mức cao như nửa đầu năm, thì cả năm 2022 ngành cà phê Việt Nam vẫn có thể thiết lập được mốc kim ngạch kỷ lục 4 tỷ USD.

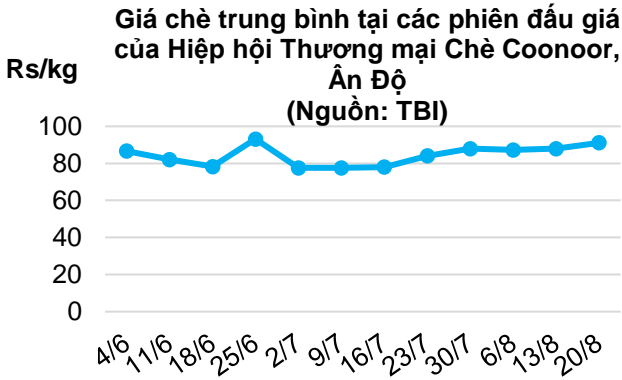
Trong niên vụ cà phê 2021/22, Trung Quốc tiêu thụ khoảng 4,2 triệu bao cà phê (loại 60kg), còn sản lượng đạt khoảng 2 triệu bao. Nhờ tính năng sử dụng tiện lợi mà cà phê hòa tan tại thị trường Trung Quốc đang chiếm ưu thế. Do đó, doanh nghiệp xuất khẩu cà phê của Việt Nam nên chú trọng phân khúc cà phê hòa tan bởi thị trường cà phê hòa tan tại nước này đang phát triển rất rõ rệt.

**Giá cà phê với nhân xô
các tỉnh Tây Nguyên**
Nguồn: CIS



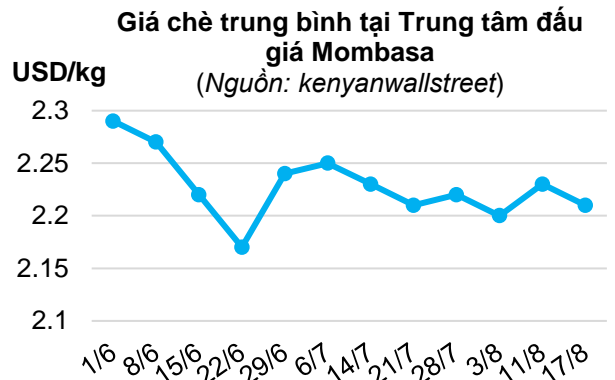
Theo số liệu thống kê, xuất khẩu cà phê tháng 8 năm 2022 ước đạt 110 nghìn tấn với giá trị đạt 257 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu năm 2022 đạt 1,24 triệu tấn và 2,82 tỷ USD, tăng 15,3% về khối lượng và tăng 40,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 2.268 USD/tấn, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 7 tháng đầu năm 2022, Đức, Bỉ, và Italia 3 thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam với thị phần lần lượt là 12,4%, 8,0% và 7,1%. Thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh nhất là Hà Lan (gấp 3,9 lần), Ngược lại, thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê giảm mạnh nhất là thị trường Malaysia (-8,5%).

Thị trường thế giới



Thị trường chè thế giới nhìn chung nhu cầu vẫn yếu do tác động của cuộc chiến Nga – Ukraine. Tại Ấn Độ, tình hình xuất khẩu giảm, mất mùa do lũ lụt và sâu bệnh và mức lương hàng ngày của công nhân ngành chè tăng khiến giá chè có xu hướng tăng. Giá chè trung bình tại phiên đấu giá của Hiệp hội Thương mại chè Coonoor (CTTA) tháng 8 ở mức 88,78 Rs/kg, tăng 9,5% so với tháng 7.

Trong khi đó, phiên đấu giá trà Mombasa khu vực Đông Phi ghi nhận một kg bán ở mức giá trung bình



trong tháng là 2,21 USD/kg, giảm nhẹ so với 2,22 USD/kg tháng trước.

Giá giảm trước đó được cho là do nhu cầu thấp đối với mặt hàng này tại cuộc đấu giá sau khi Nga xâm lược Ukraine, điều này đã làm gián đoạn thị trường. Theo cơ quan quản lý, cuộc chiến của Nga với Ukraine đã cắt giảm xuất khẩu chè sang quốc gia châu Á này hơn nửa tỷ shilling trong quý đầu tiên.



Thị trường trong nước

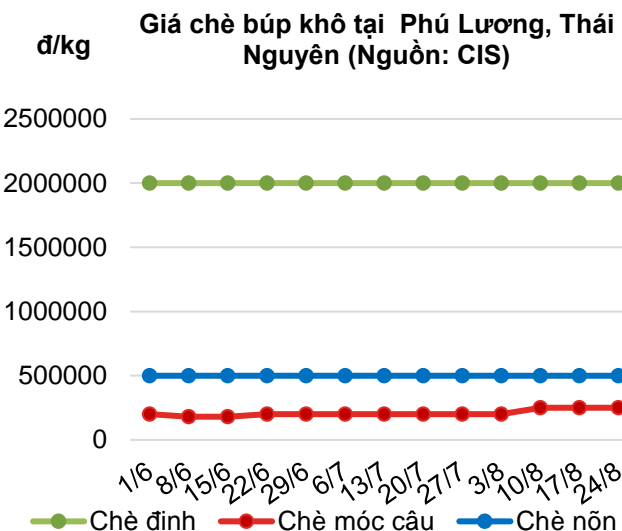
Giá chè móc câu (Phú Lương, Thái Nguyên)

200.000 đ/kg



Trong nước, thị trường chè nhìn chung sôi động hơn khi vào dịp Lễ Vu Lan và Rằm Trung Thu sắp tới. Nhu cầu và lượng tiêu thụ tăng lên khi người mua làm quà biếu và thưởng thức cùng với bánh Trung Thu. Tại vùng chè Phú Lương, Thái Nguyên, giá trung bình trong tuần đối với chè búp khô (chè đĩnh) giữ mức 2.000.000 đồng/kg, giá chè móc câu 230.000 đồng/kg, tăng 30.000 đồng/kg so với tháng trước, chè nõn ổn định 500.000 đồng/kg.

Theo số liệu thống kê, khối lượng xuất khẩu chè tháng 8 năm 2022 ước đạt 12 nghìn tấn với giá trị đạt 21 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 8 tháng đầu năm 2022 đạt 78 nghìn tấn và 135 triệu USD, giảm 2,2% về khối lượng nhưng tăng 1,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá chè xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.728 USD/tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 7 tháng đầu năm 2022, khối lượng chè xuất khẩu sang Pakistan – thị trường lớn nhất của Việt Nam với 43,6% thị phần, tăng 21,9% về khối lượng và tăng 17,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.





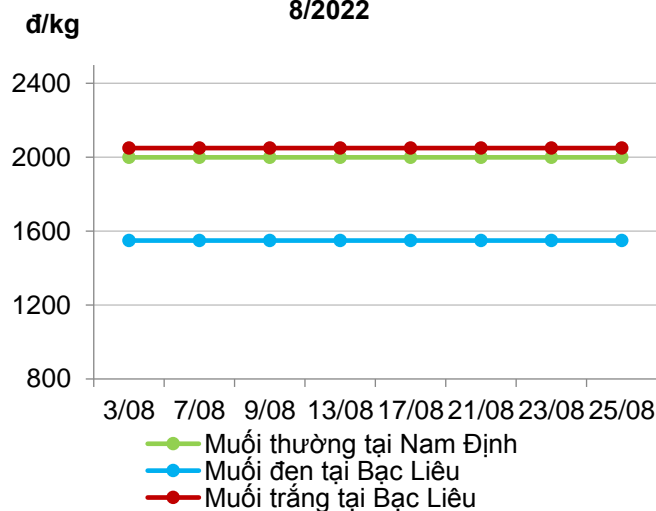
Thị trường trong nước

Tháng 8/2022, diện tích sản xuất muối cả nước đạt 11.071ha, trong đó diện tích muối thủ công đạt 7.547ha (Bạc Liêu đạt 1.411 ha, Ninh Thuận đạt 631 ha, Bà Rịa Vũng Tàu đạt 542,5 ha). Diện tích muối công nghiệp đạt 3.524ha (Ninh Thuận 2.447 ha, Bình Thuận đạt 519,1 ha, Bà Rịa Vũng Tàu đạt 39,5 ha). Một số địa phương đã kết thúc niên vụ nhưng do ảnh hưởng bởi thời tiết vào đợt mưa nên sản lượng muối cả nước đạt 611.700 tấn, trong đó: Ninh Thuận đạt 276.781 tấn, Bình Thuận đạt 38.119 tấn, Bà Rịa Vũng Tàu đạt 35.545 tấn, Bạc Liêu đạt 15.698 tấn...

Lượng muối tồn trong diêm dân và một số doanh nghiệp sản xuất khoảng 188.000 tấn, trong đó: Miền Bắc tồn 22.300 tấn, miền Trung tồn 106.700 tấn, miền Nam tồn 59.000 tấn.

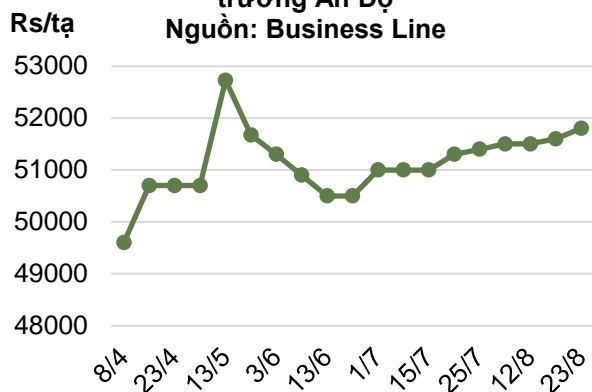
Theo hệ thống giá của Trung tâm Tin học và Thống kê thu thập báo giá tại các địa phương, các khu vực sản xuất muối trên địa bàn cả nước hiện nay đã thu hoạch xong, giá muối tháng 8 ở mức ổn định. Cụ thể giá muối Nam Định tháng 8/2022 ở mức 2.000/kg,

Giá muối thị trường trong nước tháng 8/2022



giữ giá so với tháng 7. Tại Bạc Liêu, giá muối trắng ở mức 2.000-2.100đ/kg. Muối đen tại Bạc Liêu đầu tháng giữ giá mức 1.500đ – 1.600đ/kg, ổn định so với tháng 7.



**Giá tiêu giao ngay trên sàn Kochi, thị trường Ấn Độ**

Trong tháng 8/2022, giá tiêu giao ngay của Ấn Độ tăng 400 Rs/ta lên mức 51.800 Rs/ta. Nhu cầu ở thị trường nội địa Ấn Độ đang tốt khi các nhà hàng mở cửa trở lại, song sản xuất hồ tiêu hiện không theo kịp với mức tiêu thụ ngày càng tăng này.

Trung Quốc là một thị trường tiêu thụ hạt tiêu rất lớn. Song, trong bối cảnh quốc gia này vẫn duy trì chính sách Zero COVID nghiêm ngặt và không mở cửa lại hoàn toàn biên giới quốc tế, lượng nhập khẩu từ các nước sản xuất và cung cấp lớn như Việt Nam đã giảm đáng kể. Hiện, Trung Quốc đang rất thiếu hạt tiêu vì phải chịu nhiều hạn chế trong nhập khẩu.

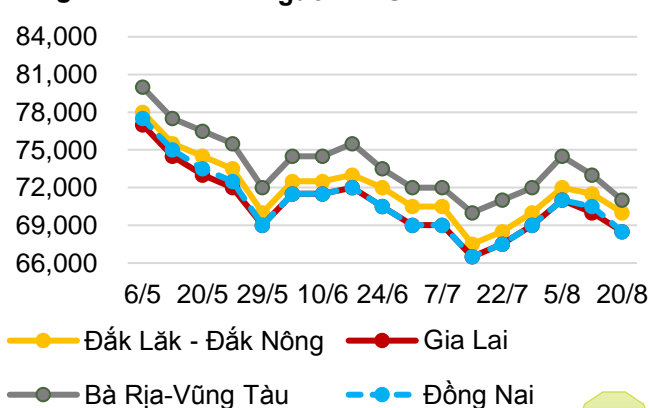
**Thị trường trong nước**

Trong tháng 8/2022, giá hạt tiêu giảm nhẹ với mức giảm 500 – 1.000 đ/kg. Tại Bà Rịa Vũng Tàu, giá tiêu ở mức 71.000 đ/kg. Tại Đắk Lắk, Đắk Nông, giá tiêu 69.000 đ/kg. Tại Đồng Nai và Gia Lai, giá tiêu dao động từ 68.000 – 68.500 đ/kg. Thị trường tiêu nội địa Việt Nam khá ảm đạm do các doanh nghiệp xuất khẩu ít thu mua.

Số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ cho thấy, Việt Nam là nguồn cung hạt tiêu lớn nhất cho Mỹ trong 5 tháng đầu năm 2022 với lượng nhập khẩu đạt 27,52 nghìn tấn, trị giá 134,25 triệu USD. Con số này tăng 19,8% về lượng và tăng 84,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hạt tiêu của Việt Nam trong tổng lượng nhập khẩu của Mỹ tăng từ 64,48% trong 5 tháng đầu năm 2021 lên 74,65% trong 5 tháng đầu năm 2022. Ngược lại, Mỹ giảm nhập khẩu hạt tiêu từ Ấn Độ với mức giảm 9,5% về lượng, nhưng tăng 16,3% về trị giá so với 5 tháng đầu năm 2021, đạt 2,8 nghìn tấn, trị giá 14 triệu USD trong 5 tháng đầu năm 2022. Thị phần hạt tiêu của Ấn Độ trong tổng lượng nhập khẩu của Mỹ giảm từ 8,68% trong 5 tháng đầu năm 2021 xuống 7,59% trong 5 tháng đầu năm 2022.

Nhìn chung, nguồn cung hạt tiêu cho Mỹ vẫn tập trung chủ yếu từ Việt Nam. Nhờ lợi thế về nguồn cung ổn định, Việt Nam giữ vai trò quan trọng trong cơ cấu nguồn cung hạt tiêu cho Mỹ trong thời gian tới.

Theo số liệu thống kê, khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 8 năm 2022 ước đạt 18 nghìn tấn, với giá trị đạt 72 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu tiêu 8 tháng đầu năm 2022 đạt 161 nghìn tấn và 712 triệu USD, giảm 18,8% về khối lượng nhưng tăng 8,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4.434 USD/tấn, tăng 33,3% so với cùng kỳ năm 2021. Các thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 là Hoa Kỳ, TVQ Ảrập Thống Nhất và Ấn Độ với 42% thị phần. Thị trường có giá trị xuất khẩu tiêu tăng mạnh nhất là Nhật Bản (tăng 2,04 lần); thị trường giảm mạnh nhất là Pakixtan (-51,5%).

Giá hạt tiêu đen xô tại một số tỉnh

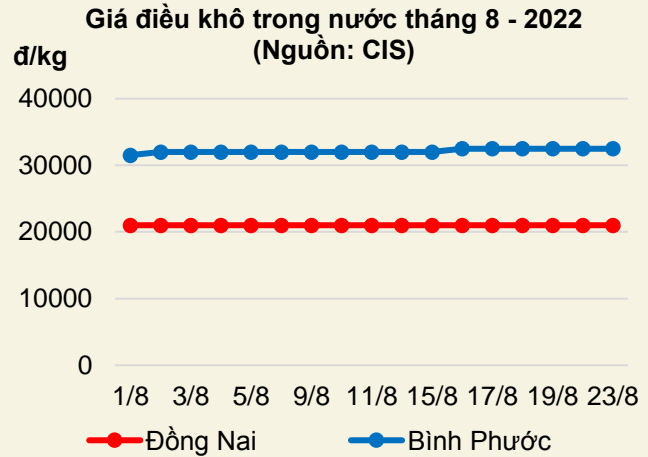


Thị trường trong nước

Tại thị trường trong nước, giá điều nguyên liệu đảo chiều tăng nhẹ ở Bình Phước và tiếp tục bình ổn tại Đồng Nai. So với tháng trước, hạt điều khô tại Bình Phước tăng 1.000 đồng/kg lên 32.500 đồng/kg. Tại Đồng Nai, hạt điều khô mua xô vẫn vững ở mức 21.000 đồng/kg.

Dịch bệnh Covid-19, giá cước vận chuyển tăng khiến cho nhiều đơn hàng đã ký kết trong năm 2021 nhưng vẫn không giao được, phải tồn đọng sang năm 2022. Thêm vào đó, lạm phát tăng cao tại nhiều nền kinh tế lớn toàn cầu khiến người dân thắt chặt chi tiêu, đặc biệt đối với các sản phẩm có giá thành cao. Dự báo xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong các tháng cuối năm 2022 sẽ vẫn gặp khó khăn.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng hạt điều xuất khẩu tháng 8/2022 ước đạt 48 nghìn tấn với giá trị 280 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 8 tháng đầu năm 2022 đạt 343 nghìn tấn và 2,05 tỷ USD, giảm 8,7% về khối lượng và giảm 11,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 5.972 USD/tấn, giảm 3,1% so với cùng kỳ năm 2021. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Hà Lan là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 28,9%, 12,8% và 9,5% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Trong 7 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường TVQ Arập Thống Nhất (+53,6). Ngược



lại, thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất là Canada (-38,9%).

Khối lượng hạt điều nhập khẩu tháng 8/2022 ước đạt 160 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu ước đạt 221,4 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 8 tháng đầu năm 2022 đạt gần 1,5 triệu tấn và 2,16 tỷ USD, giảm 35,3% về khối lượng và giảm 36,8% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia, Bờ Biển Ngà và Tanzania là 3 thị trường cung cấp hạt điều chính cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 với 78,3% thị phần. Giá trị nhập khẩu hạt điều trong 7 tháng đầu năm 2022 từ 3 thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2021, mức giảm lần lượt là: 42,4%, 21,6% và 43,4%.





Thị trường thế giới

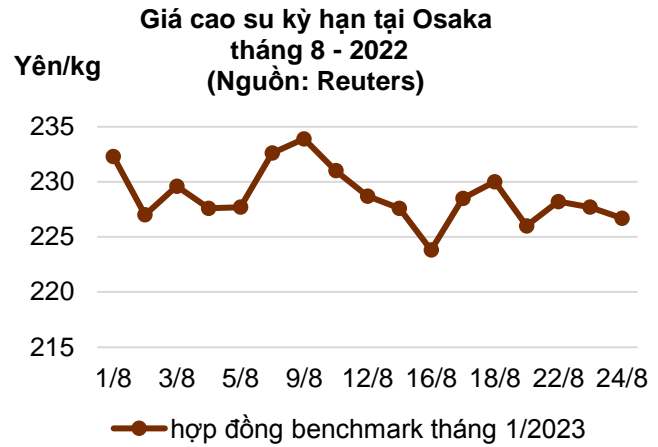
Giá cao su kỳ hạn trên thị trường châu Á diễn biến giảm trong tháng 8, chịu tác động từ xu thế giảm trên thị trường cao su Thượng Hải do lo ngại nhu cầu tiêu thụ của Trung Quốc suy yếu. Trong đó, hợp đồng benchmark kỳ hạn tháng 1/2023 tại sàn Osaka, Nhật Bản ngày 22/8 đạt 228,2 yên/kg, giảm 4,1 yên (tương đương 1,8%) so với đầu tháng.

Trong những tháng qua, có nhiều lo ngại về nhu cầu cao su ở Trung Quốc chậm lại do các đợt phong tỏa kéo dài, bao gồm cả ở Hải Nam, nơi có đóng góp lớn nhất vào sản lượng cao su của quốc gia này.

Theo báo cáo mới nhất từ Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên dự báo tăng 3,9% so với năm ngoái lên 1,283 triệu tấn, nhu cầu tiêu thụ toàn cầu dự báo tăng nhanh hơn, đạt mức 8% lên mức 1,266 triệu tấn.

Giá cao su tự nhiên tháng 7/2022 giảm nhẹ so với tháng 6/2022 trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới ảm đạm, khi Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng chỉ đạt 3,2%, giảm 0,4% điểm so với dự báo tháng 4/2022.

Bất chấp những lo ngại về sự chậm lại của nền kinh tế Trung Quốc, Chính phủ đã đưa ra các biện pháp



khác nhau bao gồm cả việc Ngân hàng Trung ương cắt giảm lãi suất để kích thích sự phục hồi kinh tế từ tình trạng bế tắc và khủng hoảng bất động sản tồi tệ hơn. Trong khi doanh số bán ô tô của Trung Quốc đã được cải thiện hơn nữa vào tháng 7 năm 2022 được hỗ trợ bởi thuế bán hàng giảm và các ưu đãi dành cho xe điện, đồng thời dự đoán doanh số bán hàng cũng sẽ tăng lên trong những tháng tới. Điều này có thể dẫn đến sự phục hồi tốt hơn mong đợi của thị trường cao su tự nhiên. Hơn nữa, thị trường cao su tự nhiên, đặc biệt là các nước xuất khẩu cao su đang được hưởng lợi từ đồng đô la Mỹ tương đối mạnh vì khuyến khích xuất khẩu nhiều hơn.

Thị trường trong nước

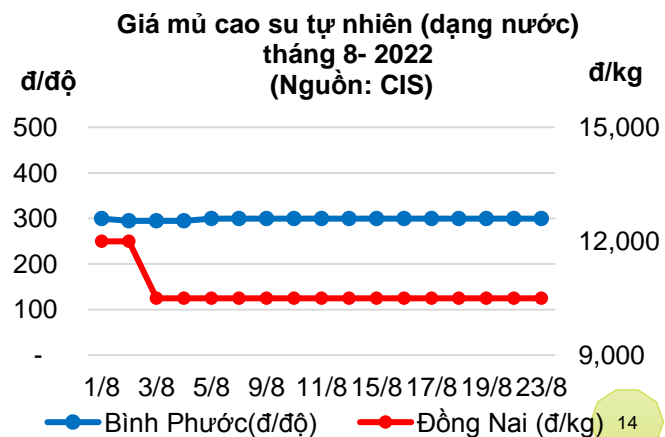
Tại thị trường trong nước, giá thu mua mủ tự nhiên dạng nước tại Bình Phước cuối tháng 8 ở mức 300 đồng/độ, giảm 10 đồng/độ so với tháng 7. Trái lại, giá mủ cao su dạng nước tại Đồng Nai tiếp tục xu thế giảm từ tháng trước, với mức giảm 1.500 đồng/kg xuống còn 10.500 đồng/kg.

Trong quý II, thị trường cao su thế giới bị tác động mạnh bởi tình hình dịch bệnh, khủng hoảng địa chính trị, tình trạng thiếu container, chi phí vận tải cao, giá nhiên liệu tăng mạnh và thông quan chậm ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng toàn cầu.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, ước tính khối lượng xuất khẩu cao su tháng 8/2022 đạt 210 nghìn tấn với giá trị đạt 320 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu cao su 8 tháng đầu năm 2022 đạt 1,19 triệu tấn và 2 tỷ USD, tăng 7,8% về khối lượng và tăng 8,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Giá cao su xuất khẩu bình quân 8 tháng đầu năm 2022 ước đạt 1.676 USD/tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong 7 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc, Ấn Độ và Hàn Quốc là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm thị phần lần lượt là 66,6%, 7,7% và 2,7%. Giá trị xuất khẩu cao su tăng mạnh nhất tại thị trường Ấn Độ với mức tăng 60,3% so với cùng kỳ năm 2021. Ngược lại, thị trường có giá trị xuất

khẩu cao su giảm mạnh nhất là Tây Ban Nha (-27,3%).

Ước khối lượng nhập khẩu cao su tháng 8/2022 đạt 190 nghìn tấn với giá trị đạt 292 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu cao su 8 tháng đầu năm 2022 đạt gần 1,5 triệu tấn và 2,23 tỷ USD, tăng 19,1% về khối lượng và tăng 24,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Campuchia (chiếm 48,7% thị phần), Hàn Quốc (11,3%) và Trung Quốc (9,0%) là 3 thị trường cung cấp cao su chính cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu cao su từ 3 thị trường này đều tăng, mức tăng lần lượt là: 40,5%, 17,4% và 32,9%.



Thị trường thế giới

Theo Trung tâm Tin học và Thống kê (Bộ NN&PTNT), trích giá từ nguồn Reuters, giá gỗ xẻ tại Sở giao dịch hàng hóa Chicago (Mỹ) tháng 8 biến động tăng vào giữa tháng và giảm về cuối tháng. Theo đó, hợp đồng kỳ hạn tháng 9/2022 giá ngày 1/8 ở mức là 534,2 USD/tbf, ngày 15/8 tăng 54,7 USD/tbf lên mức 588,9 USD/tbf, cuối tháng ngày 24/8, giá giảm sâu còn ở mức 495,4 USD/tbf. Thị trường bất động sản tại Mỹ trong tháng 8/2022 có dấu hiệu hạ nhiệt, nhưng được các chuyên gia đánh giá là không đáng kể so với năm 2019 trở về trước, do đó, tiềm năng cho các mặt hàng đồ gỗ vẫn rất tốt trong tương lai gần.

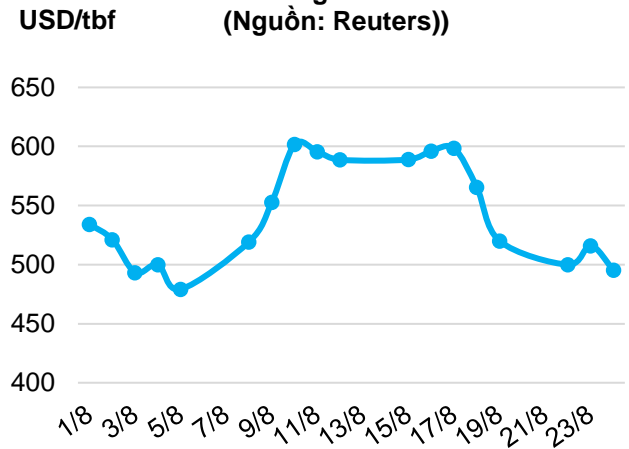


Hợp đồng kỳ hạn tháng 9/2022

495,4 USD/tbf



Giá gỗ xẻ tại thị trường Chicago, Mỹ tháng 8/2022 (Nguồn: Reuters)



Thị trường trong nước

Thị trường gỗ trong nước tháng 8/2022, giá gỗ nguyên liệu đầu tháng tăng từ 50.000đ-70.000 đ/tán do nguyên liệu đầu vào khan hiếm, giá cước vận chuyển vẫn ở mức cao, tình trạng ùn tắc cảng biển chưa hạ nhiệt. Cuối tháng, giá giảm nhẹ 20.000 đ/tán. Cụ thể, tại miền Bắc, nguồn cung gỗ khá ổn định nên giá gỗ không có nhiều biến động so với tháng 7 do thời tiết ít mưa hơn, nguồn cung ổn định. Tại khu vực miền Trung, giá gỗ tăng nhẹ tùy từng loại, giá gỗ keo vanh tại xưởng Nghệ An thu mua ở mức 900-920.000 đ/tán, tăng 50-70.000 đ/tán so với tháng trước. Miền Nam do Campuchia dừng khai thác vì ảnh hưởng mưa nhiều nên giá gỗ tăng cao,

giá gỗ cao su tại Bình Dương lên mức 1.85 triệu – 1.9 triệu đ/tán tăng 50.000 đ/tán so với tháng 7.

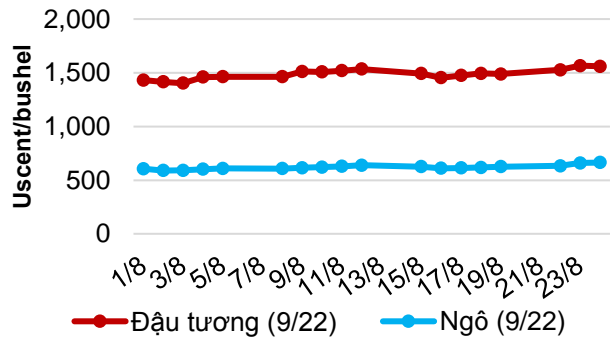
Thị trường xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 8 đạt 1,35 tỷ USD, đưa giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ 8 tháng đầu năm 2022 đạt 11,07 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2021. Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản - 3 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 - chiếm 79,7% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tăng mạnh nhất tại thị trường Malaysia (+38%); giảm mạnh nhất tại thị trường Anh (-13,8%).





Thị trường thế giới

Giá ngô và đậu tương tại thị trường Chicago, Mỹ (nguồn: Reuters)



Cùng với đó, Cơ quan Giám sát cây trồng của Liên minh châu Âu MARS đã hạ dự báo năng suất một lần nữa đối với cây trồng mùa hè trong khối như ngô, hướng dương và đậu tương.



Giá đậu tương kỳ hạn trên Sàn giao dịch Chicago, Mỹ (CBOT) tăng mạnh trong 10 ngày đầu tháng và sau đó là các phiên điều chỉnh giảm. Trong khi đó, giá ngô đạt mức cao nhất trong 2 tháng do lo ngại quy mô mùa vụ giảm dưới mức kỳ vọng.

Cụ thể, giá ngô kỳ hạn tháng 9/2022 đóng cửa phiên 24/8 đạt 665,6 UScent/giạ, tăng 74,4 UScent (tương đương 12,6%) so với phiên 2/8.

Chịu tác động sau khi Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) phát hành Báo cáo Cung – cầu nông sản (WADSE) tháng 8, nhóm hàng đậu tương là những nguyên liệu ghi nhận đà giảm mạnh nhất về cuối tháng.

Giá đậu tương kỳ hạn tháng 9/2022 cuối phiên 10/8 đạt 1688,6 UScent/giạ, tăng mạnh 130,6 UScent (tương đương 8,4%) so với phiên 3/8. Tuy nhiên, đến cuối phiên 24/8, hợp đồng này giảm xuống 1560,6 UScent/giạ, giảm 128 UScent (tương đương 8,2%) so với mức cao ngày 10/8.

Các vụ mùa ngô và đậu tương bội thu của Mỹ đóng vai trò quan trọng trong việc bù đắp nguồn cung ngũ cốc thấp trên toàn cầu, nhưng nắng nóng khắc nghiệt và hạn hán lan rộng ở các vùng thuộc Trung Tây Mỹ đã cản trở các cánh đồng và một chuỗi vụ thu hoạch gặp khó khăn trên toàn thế giới dẫn đến nguồn cung khan hiếm và chi phí lương thực cao trong nhiều năm.

Thị trường trong nước

Tháng 8, giá một số nguyên liệu TACN ghi nhận xu thế tăng tại Bình Phước và ổn định tại thị trường Hà Nội.

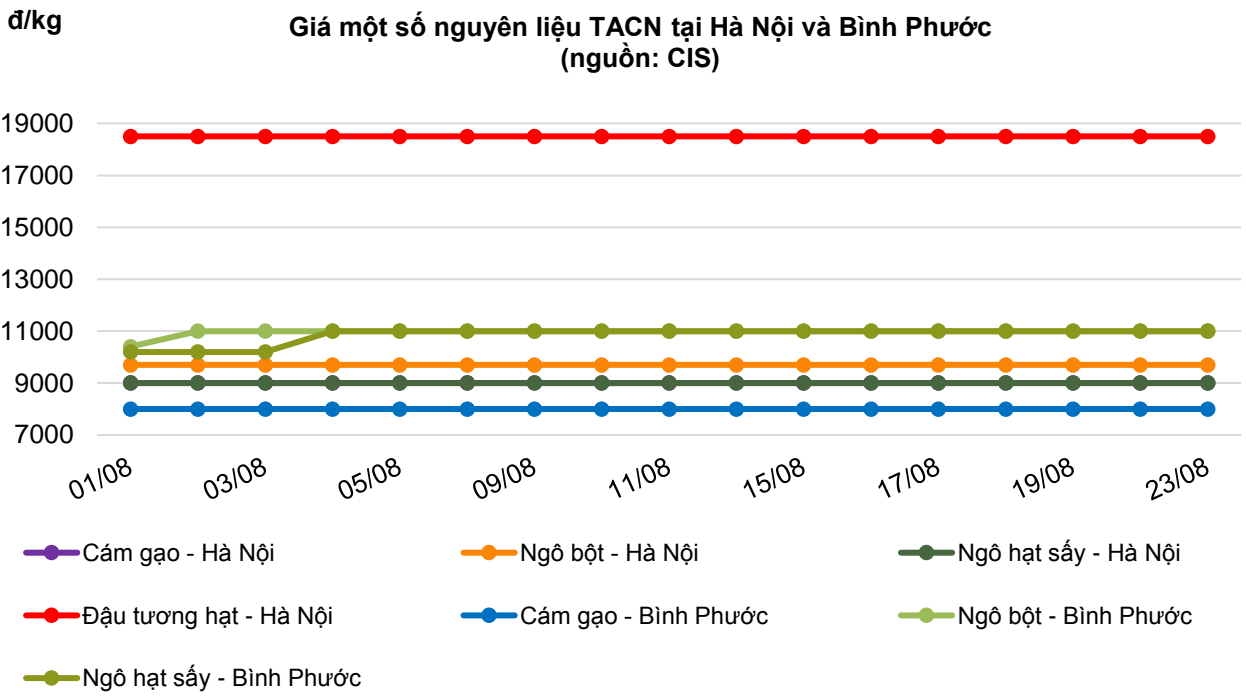
Cụ thể, mặt hàng cám gạo và ngô hạt sấy tại Hà Nội cùng giữ ở mức 9.000 đồng/kg; ngô bột 9.700 đồng/kg và đậu tương hạt 18.500 đồng/kg.

Tại Bình Phước, ngô hạt sấy tăng 800 đồng/kg lên mức 11.000 đồng/kg; ngô bột tăng 600 đồng/kg lên mức 11.000 đồng/kg; trong khi mặt hàng cám gạo vẫn giữ ở mức 8.000 đồng/kg.

Trước diễn biến giá thịt heo và giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có xu hướng tăng cao thời gian gần đây, Phó Thủ tướng Lê Minh Khái đề nghị các bộ ban ngành cần thực hiện ngay các biện pháp bảo đảm cân đối cung cầu, nguồn cung thịt heo, thức ăn chăn nuôi và bình ổn giá theo quy định, bảo đảm quyền lợi của người chăn nuôi, không để thiếu hụt thịt heo, giá thịt heo tăng ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và gây áp lực lên lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; kiểm soát chặt chẽ tình hình xuất khẩu thịt heo qua biên giới.

Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, khối lượng đậu tương nhập khẩu tháng 8 năm 2022 ước đạt 80 nghìn tấn với giá trị đạt 59,6 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu đậu tương 8 tháng đầu năm 2022 đạt 1,31 triệu tấn và 913,6 triệu USD, giảm 6,1% về khối lượng nhưng tăng 14,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Braxin, Hoa Kỳ và Canada là 3 thị trường cung cấp đậu tương chính cho Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 với 99,3% thị phần.

Ước tính khối lượng ngô nhập khẩu tháng 8 năm 2022 đạt 650 nghìn tấn với giá trị đạt 241,1 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu ngô 8 tháng đầu năm 2022 đạt 5,79 triệu tấn và 2,1 tỷ USD, giảm 16,6% về khối lượng nhưng tăng 6,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021. Nguồn nhập khẩu ngô của Việt Nam trong 7 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ 3 thị trường: Argentina, Ấn Độ và Braxin, chiếm 81,3% thị phần. So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu ngô trong 7 tháng đầu năm 2022 từ Argentina tăng 28,3%, Ấn Độ (-29,8%) và Braxin (-57,5%).



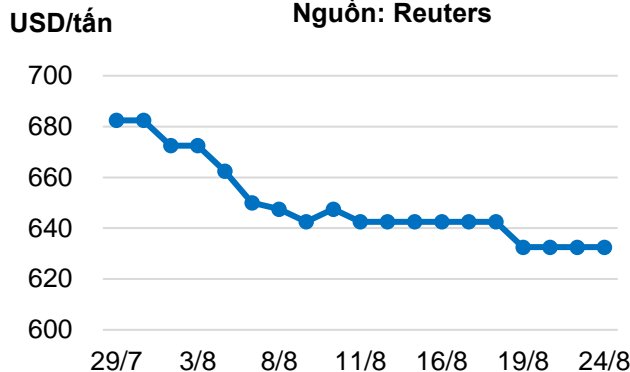


Tại thị trường Trung Quốc, giá Ure tại Trung Quốc ngày 24/8 là 2.342 nhân dân tệ/tấn (341 USD/tấn), giảm 88 nhân dân tệ/tấn so với tháng trước. Giá ure liên tục hạ từ giữa tháng 6.

Giá DAP là 4.425 nhân dân tệ/tấn (648 USD/tấn), giữ ổn định trong một tháng qua.

Giá phân bón bán lẻ trên thị trường Mỹ giảm trong tháng 8 năm 2022. Tất cả tám loại phân bón chính đều rẻ hơn so với một tháng trước. Anhydrous rẻ hơn 7% so với tháng trước. Giá trung bình của loại phân bón này là 1.336 USD/tấn. Bảy loại phân bón còn lại chỉ thấp hơn một chút. DAP có giá trung bình là 978 USD/tấn, MAP là 1.026 USD/tấn, Kali là 881 USD/tấn, Urê là 807 USD/tấn, 10-34-0 là 878 USD/tấn, UAN28 là 576 USD/tấn và UAN32 là 676 USD/tấn. Mặc dù giá giảm trong những tháng gần đây, nhưng tất cả các loại phân bón vẫn tiếp tục có giá cao hơn đáng kể so với một năm trước đó. MAP

Giá Ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 8
Nguồn: Reuters



đắt hơn 36%, 10-34-0 cao hơn 39%, DAP đắt hơn 41%, Urê cao hơn 45%, Kali và UAN28 đều đắt hơn 56%, UAN32 cao hơn 61% và Anhydrous đắt hơn 80% so với năm ngoái.

Giá Ure hạt Trung Đông kỳ hạn tháng 8 giảm 50 USD/tấn xuống 632,5 USD/tấn.

Thị trường trong nước

Tại khu vực miền Bắc, kali Canada đang có giá 850.000 đến 870.000 đồng/bao 50 kg, đi ngang so với ngày trước đó.

Giá nhập khẩu Kali tăng, nên giá Kali trong nước tăng theo. Giá Kali Cà Mau tại An Giang là 985.000 đồng/bao 50 kg, tăng 10.000 đồng/bao so với tháng trước. Kali Phú Mỹ dao động mức giá 840.000 đến 870.000 đồng/bao. Kali Hà Anh cũng đang cùng mức giá 840.000 đến 870.000 đồng/bao.

DAP Đình Vũ tại An Giang là 1,12 triệu đồng/bao 50 kg, Ure Cà Mau là 920.000 đồng/kg, Ure Phú Mỹ đang ở mức 725.000-735.000 đồng/bao. Giá lân đen tại Gia Lai là 230.000 đồng/bao và lân Lâm Thao tại Quảng Bình là 260.000 đồng/bao, tăng 10.000 đồng/bao so với tháng trước. NPK 16-16-8 Cà Mau và Phú Mỹ đang giao dịch ở cùng mức giá 840.000 đến 860.000 đồng/bao 50 kg. NPK 16-16-8 Việt Nhật đang có giá 820.000-840.000 đồng/bao.

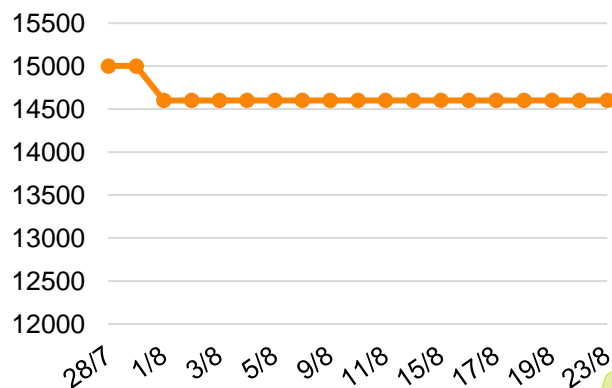
Thị trường phân bón Việt Nam đang gặp hàng loạt những thách thức, từ nguồn cung nhập khẩu đắt đỏ, đến chi phí nhiên liệu sản xuất tăng cao. Ngoài những thách thức kể trên, vấn đề mà ngành phân bón còn gặp phải đó là áp lực chi phí vận chuyển. Thực tế cho thấy chi phí vận chuyển đã tăng cao do gián đoạn chuỗi cung ứng từ khi Covid-19 bùng phát. Song, cuộc xung đột Nga và Ukraine nổ ra càng làm vấn đề này thêm khó khăn. Ngoài ra, khủng hoảng khí đốt thời gian gần đây cũng là nguyên nhân chính khiến cước phí vận chuyển đội thêm giá. Giá cước vận tải đường biển giao ngay giữa Mỹ và Trung Quốc đã tăng gần 3,5 lần trong giai đoạn từ tháng 1/2020 đến tháng 5 năm nay. Đó

cũng là một phần nguyên nhân khiến mặt hàng phân Kali phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn nhập khẩu, gánh chịu thêm chi phí, khó có thể giảm sâu.

Theo số liệu thống kê, ước tính khối lượng nhập khẩu phân bón các loại trong tháng 8 năm 2022 đạt 230 nghìn tấn với giá trị nhập khẩu đạt 84,4 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị nhập khẩu phân bón 8 tháng đầu năm 2022 đạt 2,18 triệu tấn và 995,5 triệu USD, giảm 31,4% về khối lượng nhưng tăng 9,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Nguồn phân bón các loại nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2022 chủ yếu từ Trung Quốc với tỷ trọng chiếm 42,5%, Nga (10,6%) và Hàn Quốc (6,0%). So với cùng kỳ năm 2021, giá trị nhập khẩu phân bón từ Trung Quốc tăng 14%, Nga (+22,4%) và Hàn Quốc (+48,1%)

Giá bán lẻ NPK 20-20-15 tại Vĩnh Long
Nguồn: CIS





PHÂN BÓN

Theo Hiệp hội Phân bón Thế giới, trong bối cảnh giá nhiên liệu ở châu Âu liên tiếp lập đỉnh, giá phân bón thế giới dự báo tăng do khí tự nhiên là nguyên liệu chính được sử dụng bởi các nhà sản xuất phân bón lớn, ngoại trừ Trung Quốc (sử dụng than), để tạo ra thành phần amoniac cho khoảng 80% số lượng phân bón được sản xuất trên toàn cầu. Trong ngắn hạn và trung hạn (ít nhất trong 2 năm tới), giá phân bón sẽ vẫn ở mức cao.



HỒ TIÊU

Theo Tổ chức Hồ tiêu Quốc tế (IPC), thị trường hạt tiêu dự báo đi xuống do nhu cầu giảm trong bối cảnh tồn kho hạt tiêu chuyển từ thâm hụt sang thặng dư, lạm phát tăng cao và kinh tế thế giới suy thoái.



THỦY SẢN

Ngân hàng Rabobank dự báo nhu cầu thủy sản toàn cầu trong 6 tháng cuối năm sẽ giảm do lạm phát cao, đặc biệt tại thị trường Mỹ và EU. Trong khi đó, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc có thể là cơ hội cho cả các nhà sản xuất tôm và cá hồi, đặc biệt là trong quý IV/2022, nếu quốc gia này không áp dụng lại các biện pháp phong tỏa và hạn chế nhập khẩu do Covid-19. Giá tôm và giá cá hồi được dự báo sẽ điều chỉnh giảm từ mức kỷ lục trong nửa đầu năm 2022.



CAO SU

Theo báo cáo mới nhất từ Hiệp hội các nước sản xuất cao su thiên nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên dự báo tăng 3,9% so với năm ngoái lên 1,283 triệu tấn, nhu cầu tiêu thụ toàn cầu dự báo tăng nhanh hơn, đạt mức 8% lên mức 1,266 triệu tấn.

Giá cao su tự nhiên tháng 7/2022 giảm nhẹ so với tháng 6/2022 trong bối cảnh triển vọng kinh tế thế giới giảm ảm, khi Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo tăng trưởng chỉ đạt 3,2%, giảm 0,4% điểm so với dự báo tháng 4/2022.



LÚA GẠO

Trong dự báo tháng 8/2022 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo thế giới niên vụ 2022/03 tiếp tục điều chỉnh giảm 2,3 triệu tấn xuống còn 512,4 triệu tấn (quy gạo xay xát). Trong đó, Ấn Độ, Băng la đét và EU chiếm phần lớn điều chỉnh giảm, bù đắp phần sản lượng tăng tại Nepal và Mỹ. Sản lượng gạo niên vụ 2022/03 ước tăng ít nhất 100.000 tấn tại Úc, Miến Điện, In-đô-nê-xia, I-ran, Nigeria, Pakistan, Sri Lanka và Thái Lan. Campuchia, Trung Quốc, Nepal và Pakistan được dự báo sẽ thu hoạch kỷ lục trong niên vụ này.

Thương mại gạo thế giới năm 2023 điều chỉnh tăng nhẹ lên mức kỷ lục 54,7 triệu tấn. Các điều chỉnh tăng về xuất khẩu gạo đối với Braxin và Ecuador, bù đắp cho giảm xuất khẩu tại Kazakhstan. Về nhập khẩu gạo, dự báo tăng được thực hiện với Băng la đét, Costa Rica, EU và Kazakhstan, nhưng giảm đối với Indonesia và Nepal.



THỊT

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) về thị trường và thương mại thế giới, Trung Quốc được dự báo sẽ vẫn là nhà nhập khẩu thịt lợn hàng đầu thế giới, chiếm 20% tổng lượng xuất khẩu toàn cầu. Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc, nguồn cung lợn hơi trong các tháng cuối năm 2022 được đảm bảo và giá cả sẽ không tăng mạnh.



CÀ PHÊ

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) dự báo nguồn cung cà phê toàn cầu trong niên vụ 2021/22 ở mức 167,2 triệu bao, giảm hơn 2,1% so với niên vụ trước. Tiêu thụ sẽ tăng 3,3% lên mức 170,3 triệu bao. Như vậy trong niên vụ này, thị trường cà phê toàn cầu dự kiến sẽ thâm hụt khoảng 3,1 triệu bao.

GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 08/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T07 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T08/2022 so với T07/2022 (đ/kg)
	Hạt tiêu đen	Đồng Nai	70.833	69.667	1.167 ▲
		Bình Phước	73.650	71.350	2.300 ▲
	Hạt điều khô	Đồng Nai	21.000	21.000	0
		Bình Phước	32.200	31.800	400 ▲
	Cà phê vối nhân xô	Đắk Lắk	46.725	42.129	4.596 ▲
		Lâm Đồng	46.225	41.629	4.596 ▲
	Chè cành	Lâm Đồng	9.275	9.175	100 ▲
	Chè hạt	Lâm Đồng	7.150	7.025	125 ▲
	Chè búp tươi	Phú Lương-Thái Nguyên	35.000	33.333	1.667 ▲
	Chè móc câu	Phú Lương-Thái Nguyên	233.333	200.000	33.333 ▲
	Chè đĩnh	Phú Lương-Thái Nguyên	2.000.000	2.000.000	0
	Chè nởn	Phú Lương-Thái Nguyên	500.000	500.000	0
	Lúa ứớt IR50404	An Giang	5.267	5.471	-205 ▼
		Vĩnh Long	5.778	6.000	-222 ▼
	Gạo thường	An Giang	11.500	11.500	0
	Gạo IR50404	Vĩnh Long	11.000	12.000	-1.000 ▼
	Cá tra	Vĩnh Long	28.278	28.889	-611 ▼
		An Giang	26.000	26.857	-857 ▼
	Tôm sú 30 con/kg	Bạc Liêu	306.667	300.000	6.667 ▲
		Kiên Giang	190.000	195.000	-5.000 ▼

GIÁ NÔNG SẢN TRUNG BÌNH THÁNG 08/2022

Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T07 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T08/2022 so với T07/2022 (đ/kg)
	Lợn hơi	Đồng Nai	64.500	65.000	-500 ▼
	Bò hơi	Đồng Nai	87.667	88.333	-667 ▼
	Gà Lông màu	Đồng Nai	45.667	48.333	-2.667 ▼
	Gà công nghiệp Lông trắng	Đồng Nai	41.667	40.333	1.333 ▲
	Xà lách lolo xanh	Lâm Đồng	9.250	15.000	-5.750 ▼
	Xà lách cuộn	Lâm Đồng	11.000	17.000	-6.000 ▼
	Xà lách Coron	Lâm Đồng	10.000	12.000	-2.000 ▼
	Su su	Lâm Đồng	3.500	3.500	0
	Cải thảo	Lâm Đồng	4.000	4.000	0
	Bắp cải trắng loại 1	Lâm Đồng	3.000	3.500	-500 ▼
	Cà chua (giống Rita)	Lâm Đồng	15.000	15.000	0
	Su hào củ loại 1	Lâm Đồng	8.000	8.000	0
	Hành hoa	Lâm Đồng	15.000	14.500	500 ▲
	Củ dền loại 1	Lâm Đồng	10.000	6.000	4.000 ▲
	Ớt sừng	Lâm Đồng	17.000	28.000	-11.000 ▼
	Ớt chuông Đà Lạt màu đỏ	Lâm Đồng	30.000	37.500	-7.500 ▼
	Ớt chuông Đà Lạt màu vàng	Lâm Đồng	32.000	37.500	-5.500 ▼
	Đậu cô ve	Lâm Đồng	10.000	15.500	-5.500 ▼



Loại	Phân loại	Tỉnh	Giá BQ T08 năm 2022 (đ/kg)	Giá BQ T07 năm 2022 (đ/kg)	Thay đổi T08/2022 so với T07/2022 (đ/kg)
	Xoài cát chu	Tiền Giang	33.471	37.714	-4.244 ▼
		Vĩnh Long	25.000	26.000	-1.000 ▼
	Xoài cát Hòa Lộc	Tiền Giang	64.412	52.500	11.912 ▲
	Thanh long ruột đỏ	Tiền Giang	14.471	20.429	-5.958 ▼
	Thanh long ruột trắng	Tiền Giang	14.765	17.000	-2.235 ▼
	Sầu riêng Ri6 loại 1	Tiền Giang	68.824	57.500	11.324 ▲

Lưu ý sử dụng thông tin: Đây là bản tin được phát hành hàng tuần nhằm phục vụ nhu cầu thông tin thị trường cho các cơ quan quản lý nhà nước, các địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và bà con nông dân. Những thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo và khuyến nghị. Ban biên tập rất mong nhận được sự góp ý, phản hồi, trao đổi thông tin nhằm giúp Bản tin đạt được chất lượng tốt hơn.

Mọi thông tin xin liên hệ: Phòng Công thông tin điện tử - Trung tâm Tin học và Thống kê - Điện thoại: +84 (0)24 37341635 (máy lẻ 208, 205) - Email: trangtin@mard.gov.vn